

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 11 - 2020

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hương

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 671/2020/TLST- HN ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 12A, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Tuyết N**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 12A, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị N có cưới nhau, chung sống như vợ chồng từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm dẫn đến chung sống không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/4/2004 và Nguyễn Trọng T1 sinh ngày 13/12/2006 yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Chị N yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu 02 con có nguyện vọng sống với chị thì yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Chị N có đơn phản tố đã nộp cho Tòa án đề ngày 26/10/2020 thì chị có yêu cầu về phần tài sản, chị xác định quá trình chung sống với anh T có tạo lập được căn nhà vào năm 2017 giá trị 350.000.000 đồng, hiện nay giá trị còn lại 200.000.000 đồng và vật dụng trong nhà là 20.000.000 đồng yêu cầu Tòa án xem xét chia đôi, chị yêu cầu được nhận bằng giá trị nhà.

Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Tuyết N hiện đang cư trú tại địa chỉ ấp 12A, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N có cưới nhau, chung sống như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên và địa phương có hàn gắn và hòa giải nhưng không thành, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa hôn nhân của anh chị có vi phạm về hình thức, không đăng ký kết hôn nên Tòa án không công nhận là vợ chồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên hòa giải, anh T thể hiện sự cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị N, chị N cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, trường hợp anh T và chị N tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh T.

[3] Về con chung: Tại phiên hòa giải, anh T và chị N thống nhất theo nguyện vọng của các con là: Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 08/4/2004 và Nguyễn Trọng Tường sinh ngày 13/12/2006 đều có nguyện vọng được sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị Nguyễn Tuyết N là người có nghĩa vụ trực tiếp nuôi

dưỡng các cháu, anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hòa giải, các bên thống nhất anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000/ cháu/ tháng cho đến khi các cháu thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo sự thỏa thuận của các đương sự, buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu: Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 08/4/2004 và Nguyễn Trọng Tường sinh ngày 13/12/2006, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu thành niên.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T nên anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56, 58, 69, 81, 82, 107 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Tuyết N.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/4/2004 và Nguyễn Trọng T1 sinh ngày 13/12/2006 cho chị Nguyễn Tuyết N có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu: Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/4/2004 và Nguyễn Trọng T1 sinh ngày 13/12/2006, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N, trường hợp anh T chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Anh Nguyễn Văn T đã dự nộp 300.000

đồng tại biên lai thu số 0004051 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÀ KÝ)

Hồ Yến Phương